

Bản án số: 314/2025/DS-ST
Ngày: 21/05/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thăng
Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thanh - Kiểm sát viên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Thế Chung – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 795/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2025/QĐXXST-DS ngày 26/03/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 498/2025/QĐST – DS ngày 23/04/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm: 1976

Thường trú: 38/15/4 Đường TTN05, Khu phố 36, phường N, Quận Q, TP. M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L, sinh năm 1981

Địa chỉ: 24/12/19 Đường số 10, Khu phố 3, phường X, thành phố M(Có mặt)

Bị đơn: Bà T, sinh năm: 1973

Thường trú: 58/4C Đường TTN02, Khu phố 36, phường N, Thành phố M. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/06/2024; đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/09/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T có ông Lê Văn Long làm người đại diện theo ủy quyền trình bày: Do quen biết từ trước và là bạn bè hàng xóm của nhau nên ngày 22/06/2021 bà T đã cho bà T vay số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng. Hai bên có lập hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng H ngày 22/06/2021 với thỏa thuận về thời hạn vay là 01 (một) năm và không có lãi suất. Tuy hợp đồng không thỏa thuận về lãi suất, nhưng thực tế hai bên có thỏa

thuận miệng là mỗi tháng bà T phải thanh toán số tiền lãi là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng và bà Tiết đã thanh toán cho bà T được 02 tháng tiền lãi với số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng. Đến ngày 15/06/2022 bà Tiết thanh toán 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng tiền nợ gốc. Từ tháng 7/2022 cho đến tháng 3/2024, bà T thanh toán mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn xác định lại số tiền bà T đã thanh toán cho bà T là 70.000.000 đồng, không thừa nhận về số tiền bà T đã thanh toán hai tháng tiền lãi với số tiền 14.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ gốc 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng và nợ lãi tính theo mức lãi suất 10%/năm, với thời gian tính lãi từ ngày 23/06/2022 đến ngày 21/05/2025 là (34 tháng, 28 ngày nhưng làm tròn thành 34 tháng) 79.333.333 (Bảy mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, tổng cộng là 359.333.333 (Ba trăm năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Bị đơn bà T, từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận Q đã tiến hành triệu tập bà Tiết đến Tòa để giải quyết vụ kiện của bà T nhưng bà T không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận Q, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng, Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 12 và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà T có địa chỉ địa chỉ thường trú tại số 58/4C Đường TTN02, Khu phố 36, phường N, Quận Q, Thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Q, Thành phố N, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/06/2024; đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/09/2024 và chứng cứ kèm theo có trong hồ sơ vụ án, vụ án có quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Q, Thành phố M đã tiến hành triệu tập bà T đến Tòa để nhận thông báo thụ lý vụ án, viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời bà T đã vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại

Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của các đương sự: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 22/06/2021 với nội dung bà T cho bà T vay số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 01 năm, không có lãi suất, có cơ sở để xác nhận giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà T đã phát sinh quan hệ giao dịch vay tài sản. Kể từ khi kết thúc thời hạn vay, bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, đây chính là nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà T.

[5] Về khoản tiền nợ gốc: Xét từ khi kết thúc thời hạn thỏa thuận trả nợ ngày 22/06/2022 cho đến nay, bà T mới chỉ thanh toán cho bà T số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Đồng thời từ tháng 07/2022 đến tháng 03/2024 bà Tiết thanh toán cho bà Thúy mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bà Tiết đã thanh toán cho bà T là 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng bà Tiết không thanh toán cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền ngày 22/06/2021. Nay bà T yêu cầu bà T phải thanh toán số nợ gốc 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về khoản tiền lãi: Xét nguyên đơn bà Thúy yêu cầu bà Tiết phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 23/06/2022 đến ngày 21/05/2025 theo mức lãi suất là 10%/năm với số tiền gốc 280.000.000 đồng $\times$ 10%/năm $\times$ 34 tháng, 28 ngày nhưng nguyên đơn tự nguyện yêu cầu làm tròn thành 34 tháng = 79.333.333 (Bảy mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng là phù hợp với quy định về lãi suất được quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Tổng cộng bà Tiết phải trả cho bà T số tiền 359.333.333 (Ba trăm năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: 17.966.667 (Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng bà T phải chịu; hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

Buộc bà T phải thanh toán cho bà T số tiền 359.333.333 (Ba trăm năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, (bao gồm 280.000.000

đồng nợ gốc và 79.333.333 đồng nợ lãi), thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà T phải chịu 17.966.667 (Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

- Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0049017 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, TP. M.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014”.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------|-----|
| - TAND TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Q.12; | (1) |
| - CC.THADS Q. 12; | (1) |
| - Hai bên đ/sự; | (2) |
| - Lưu: Hồ sơ, Vp. | (3) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thắng